

## CHIẾN CÔNG CỦA THỦY QUÂN CHÚA NGUYỄN TRONG DIỆT TRỪ CƯỚP BIỂN, CHỐNG NGOẠI XÂM

Nhận bài:

09 – 03 – 2018

Chấp nhận đăng:

20 – 06 – 2018

<http://jshe.ued.udn.vn/>

Nguyễn Duy Phương

**Tóm tắt:** Việt Nam là nước có đường bờ biển dài rộng. Bên cạnh nhiều nguồn lợi, biển đảo cũng mang lại không ít những thách thức, trong đó nguy cơ bị xâm lược từ hướng biển là thường trực nhất. Trong những thế kỉ XVI-XVIII, các chúa Nguyễn đã xây dựng được lực lượng thủy quân thiện chiến, cơ động, nhờ đó đã giữ yên và mở rộng được bờ cõi, góp phần xác lập và khẳng định chủ quyền biển đảo Việt Nam. Do vậy, ngoài việc giới thiệu vài nét về lực lượng thủy quân của chúa Nguyễn, chúng tôi sẽ tập trung phân tích những chiếc công tiêu biểu của lực lượng này trong chống giặc xâm và phòng chống cướp biển. Qua đó, góp phần khẳng định chủ quyền của nước ta đối với vùng biển đảo Đông Trường.

**Từ khóa:** Đông Trường; thủy quân; chúa Nguyễn; chủ quyền; biển đảo.

### 1. Đặt vấn đề

Dưới thời phong kiến, nước Đại Việt xưa đã nhiều lần dùng thủy chiến để đánh tan những đội quân xâm lược hùng mạnh. Sử sách còn mãi khắc ghi những trận đại thắng trên sông Bạch Đằng cùng các trận Chương Dương, Hàm Tử, Rạch Gầm - Mỹ Tho... lừng danh trên thế giới. Kế tục truyền thống của các triều đại trước, dưới thời chúa Nguyễn, thủy chiến đã được nâng lên một tầm cao mới với các trận hải chiến không chỉ với thủy quân của các nước láng giềng mà còn đánh bại được cả chiến hạm của các nước phương Tây hùng mạnh lúc bấy giờ. Với sức mạnh thủy quân, chúa Nguyễn đã giữ yên và mở rộng được bờ cõi, góp phần xác lập và khẳng định chủ quyền biển đảo Việt Nam.

### 2. Vài nét về thủy quân chúa Nguyễn

Đại Việt từ khi lập quốc đã có truyền thống thạo sông nước, giỏi thủy chiến. Kết hợp kinh nghiệm của người Việt và người Chăm, các chúa Nguyễn đã đào tạo lực lượng thủy quân thiện chiến, cơ động linh hoạt. Việc chọn binh lính sung vào thủy quân được tuyển lựa rất kĩ lưỡng và được tiến hành luyện tập bài bản. Thích Đại

Sán trong *Hải ngoại ký sự* đã viết: “*Mỗi năm vào khoảng tháng Ba, tháng Tư, quân nhân đi ra các làng, bắt dân từ 16 tuổi trở lên những người thân thể cường tráng, đóng gông lại bằng một cái gông tre hình như cái thang nhưng hẹp hơn, để giải về phủ sung quân; vào quân đội rồi, mỗi người bắt chuyên học một nghề, kẻ phân phái đi theo các chiến thuyền để luyện tập; có chiến tranh đem ra đánh giặc, lúc vô sự ở theo vương phủ làm trâu*” [12, tr.77]. Ngay cả những người chèo thuyền cũng phải là những binh lính thiện nghệ chứ không dùng phạm nhân hay người bị án khổ sai như ở các nước châu Âu. Theo Borri khi cần người để chiến đấu trên biển thì phải các đội trưởng rào khắp xứ đem lệnh của chúa bắt ngay lập tức những trai tráng có sức cầm tay chèo và dẫn ngay đến thuyền không phân biệt là con nhà giàu sang, có thể gia hay là con nhà nghèo khổ vì không ai được miễn cả. Việc bắt lính này không khó khăn vì người lính được trả lương cao, vợ con và gia quyến của họ tùy theo cấp bậc được cung cấp tất cả những gì cần thiết khi họ vắng nhà. Những người lính này không phải chỉ chèo thuyền mà khi lâm trận họ còn là những người chiến đấu rất anh dũng [1, tr.158].

Quân đội dưới thời các chúa Nguyễn nói chung và thủy quân nói riêng bao gồm chánh binh, thổ binh (quân địa phương) và thuộc binh, được tổ chức theo đơn vị thuyền, đội, cơ và dinh. Thuyền là đơn vị thấp nhất của Cơ hoặc Đội, mỗi thuyền từ 30 đến 50 người, cũng có

\* Tác giả liên hệ

Nguyễn Duy Phương

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng

Email: ndphuong@edu.udn.vn

khi lên đến 100 lính. Đội có thể là đơn vị của Cơ nhưng cũng có thể đứng biệt lập, gồm 4 hoặc 5 thuyền với số lính từ 220 đến 500, đặt dưới sự điều khiển của Cơ đội và Đội trưởng. Cơ gồm nhiều thuyền hoặc nhiều đội, số thuyền hay số đội không nhất định. Số lính từ 260 đến 500, có khi lên đến 2700. Điều khiển Cơ có Chương cơ và Cai cơ. Dinh là một quân đoàn gồm nhiều thuyền hoặc nhiều đội như Cơ nhưng đôi khi số lính ít hơn. Đứng đầu Dinh là Chương dinh, đây là chức quan cao nhất trong quân đội Đàng Trong. Cho đến hiện tại, giới nghiên cứu vẫn chưa tìm ra được một tài liệu nào có thể xác thực và phân định rõ ràng giữa cơ cấu quân thủy và quân bộ dưới thời các chúa Nguyễn, về biên chế lẫn tổ chức đều được gộp chung lại, sự phân biệt chỉ mang tính chất tương đối.

Thực tế, thủy quân Đại Việt nói chung và thủy quân Đàng Trong nói riêng ít có sự tách biệt độc lập hẳn với quân bộ. Do đặc điểm lịch sử và địa lí của nước ta nên các binh chủng đều phải có sự phối hợp nhuần nhuyễn để hoàn thành nhiệm vụ. Đặc biệt là sự kết hợp giữa quân thủy và quân bộ. Với những người lính thủy, ngoài các chức năng rất chuyên biệt của mình, họ còn phải học nhiều kĩ năng, thao tác của quân bộ và quân bộ cũng phải học các thao tác rất chuyên biệt của lính thủy. Đàng Trong phân chia quân đội theo đơn vị nhỏ nhất là thuyền, áp dụng cho cả quân bộ hay tượng binh, kỵ binh vừa nói lên vai trò của thủy quân vừa khẳng định sự liên kết, phối hợp giữa các binh chủng. Mọi người lính, khi vào quân đội đều phải trải qua một thời kì huấn luyện trên thuyền. Thích Đại Sán trong *Hải ngoại kỷ sự* đã cho biết: “*Vào quân đội rồi, mỗi người bắt chuyên học một nghề, kẻ phân phái đi theo các chiến thuyền để luyện tập*” [12, tr.77].

Ngoài số binh được tuyển chính thức, các quan Trấn thủ, Lưu thủ ở các dinh, trấn còn có thể lấy dân địa phương làm binh, để canh giữ các nơi, đặc biệt là các vùng cửa biển, lực lượng này được gọi là thổ binh hoặc tạm binh. Theo *Phan Khoang*, số binh này đông gấp mấy lần chánh binh, họ không được trả lương tháng, chỉ được miễn sưu thuế. Với cơ cấu tổ chức như vậy có thể thấy được quân đội dưới thời các chúa Nguyễn thực sự là một lực lượng rất lớn, được cơ cấu theo hình thức thủy quân là chủ yếu. Lực lượng quân thủy ngoài quân chính quy trong biên chế còn có những lực lượng khác

phục vụ cho quân đội, lúc cần có thể trở thành lính chiến đấu và bảo vệ.

Ngoài lực lượng quân thủy chính quy, chúa Nguyễn đặt đội Hoàng Sa, Bắc Hải là những đội dân binh nhưng hoạt động theo quy chế của nhà nước, lệ thuộc vào chính quyền chúa Nguyễn.

Hầu hết các nghiên cứu đều cho rằng Đội Hoàng Sa được lập dưới thời chúa Nguyễn Phúc Nguyên. Tại nhà thờ họ Võ, phường An Vĩnh (thôn Tây xã Lý Vĩnh, huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi) còn giữ được tờ đơn đề ngày 15 tháng Giêng năm Cảnh Hưng thứ 36 (1775) do Hà Liễu là Cai hợp phường Cù Lao Ré xã An Vĩnh đứng tên xin chấn chỉnh lại đội Hoàng Sa. Đơn cho biết: “*Nguyên xưa chúng tôi từ xưa đã có hai đội Hoàng Sa và Quế Hương. Vào năm Tân Mùi Đốc chiến Võ Hệ đã đệ đơn tâu xin, được cho lập hai đội nữa là đội Đại Mạo Hải Ba và Quế Hương Hàm với nhân số 30 người... Bấy giờ chúng tôi lập hai đội Hoàng Sa và Quế Hương như cũ... Nếu như có tờ truyền báo xảy ra chinh chiến, chúng tôi xin vâng lòng ứng chiến với kẻ xâm phạm. Xong việc rồi chúng tôi lại xin tờ sai ra tìm báu vật cùng thuế quan đem phụng nạp. Xin đốc lòng theo sở nguyện chẳng dám kêu ca. Chúng tôi cúi đầu mang ơn*”. Năm Tân Mùi là năm nào? Nếu ngược lại 60 năm thì đó là 1691, nhưng vì Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư viết năm 1686 đã cho biết ở thời điểm này các chúa Nguyễn hằng năm đưa 18 chiếc thuyền ra Bãi Cát Vàng khai thác rồi, thế thì phải ngược thêm 60 năm nữa, tức là vào năm 1631 dưới thời chúa Hy Tông Nguyễn Phúc Nguyên (1613 - 1635)” [8, tr.145].

Có thể khẳng định rằng, các chúa Nguyễn ngay từ buổi đầu đã chú trọng việc bảo vệ chủ quyền biển đảo Tổ quốc. Việc thành lập và duy trì hoạt động của đội Hoàng Sa trong suốt thời kì chúa Nguyễn là minh chứng thuyết phục nhất. Đội Hoàng Sa bấy giờ không chỉ phụ trách tuần đảo Hoàng Sa, mà còn cả vùng biển xứ Đàng Trong, bởi các đội Bắc Hải hay Côn Lôn sau này khi mới thành lập đều giao cho Cai đội Hoàng Sa kiêm quản.

Phối hợp cùng lực lượng thủy quân, chúa Nguyễn còn có một lực lượng là tuần hải. Đội này có nhiệm vụ tuần biển và báo cáo cho các quan trấn thủ và phủ chúa động tĩnh từ phía biển. Từ cuộc giao tranh giữa quân chúa Nguyễn với người Hà Lan năm 1643 cho thấy Đàng Trong có đội tuần hải hoạt động khá hiệu quả. Theo Li Tana tham khảo từ *Đại Nam thực lục tiền biên*

có nhắc đến vấn đề này, nhưng còn hoài nghi về số liệu: “Sau này, Tiền biên nói là vào năm 1672, chúa Nguyễn cho thiết lập một chuỗi các trạm truyền tin từ huyện Bao Vinh ở Huế tới Hồ Xá (dọc sông Bến Hải, Quảng Trị). Các trạm này hoạt động bằng đường thủy (có thể cả trên sông lẫn trên biển) gồm 16 chặng tất cả. Mỗi chặng có 4 thuyền và 24 người (lính?)” [6, tr.82].

Bên cạnh các đội quân hoạt động theo lệnh nhà nước, việc bảo vệ an ninh biển đảo còn nhờ phần lớn vào nhân dân. Họ chính là những ngư dân tại các làng chài ven biển, người dân sống trên các đảo cù lao Chàm, cù lao Ré, những thuyền bè đánh cá ở ngoài khơi. Thuyền đánh cá của nhân dân và ngư dân ven biển chính là tai mắt của các dinh trấn trong đất liền.

Như vậy, từ nhu cầu bảo vệ lãnh thổ khỏi sự xâm phạm của nhà Trịnh và các thế lực ngoại bang, bảo vệ an ninh vùng biển, tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại phát triển và quan trọng hơn là mở rộng lãnh thổ xuống phía nam, các chúa Nguyễn đã chú trọng phát triển thủy quân thành một lực lượng thiện chiến, tinh nhuệ với quân số đông và tổ chức chặt chẽ. Đồng thời, lực lượng không chính quy cũng được chú ý xây dựng nhằm hỗ trợ cho thủy quân trong tuần tra, kiểm soát vùng biển đảo. Với sự quan tâm đặc biệt đó, thủy quân chúa Nguyễn đã không ngừng phát triển, làm nên nhiều chiến công hiển hách, tiêu biểu trong số đó phải kể đến những trận quyết chiến với cướp biển và các hạm đội đến từ các nước phương Tây.

### 3. Thủy quân chúa Nguyễn diệt trừ cướp biển và chống ngoại xâm

Vùng đất Đàng Trong có đường bờ biển dài với nhiều đảo, quần đảo lớn như đảo Côn Cỏ, Lý Sơn, Cù Lao Chàm, bán đảo Sơn Trà, quần đảo Trường Sa (Khánh Hòa) và Hoàng Sa (Đà Nẵng),... là nơi gặp gỡ của các tuyến giao thông đường biển quốc tế với nhiều hoạt động giao thương nhộn nhịp cùng với đó là sự giàu có về nguồn hải sản và khoáng sản, vì thế, từ rất sớm nơi đây đã trở thành địa bàn hoạt động đầy hấp dẫn đối với các nhóm cướp biển, trong đó phổ biến nhất là giặc Tàu Ô, giặc Đồ Bà, giặc Chà Và, giặc Nụy,...

Trong các thế kỉ XVI - XVIII, trên vùng biển Đàng Trong tuy tần suất xuất hiện của cướp biển không nhiều nhưng chúng cũng đã gây nên nỗi ám ảnh và thiệt hại cho ngư dân và các tàu thuyền trên biển, là mối đe dọa

không hề nhỏ đối với an ninh chính trị quốc gia. Mục tiêu tấn công chủ yếu của cướp biển là thuyền buôn và thuyền đánh cá của ngư dân ở ngoài khơi. Nhà nghiên cứu Nhật Bản Iwao Seiichi cho biết vào năm 1578, Wako (cướp biển Nhật Bản) đã đến vùng biển thuộc hải phận Đàng Trong và cướp thuyền của một thương nhân Trung Hoa là Trần Bảo Tùng đang vận chuyển đồng, sắt và đồ gốm đến Quảng Nam [9, tr.15]. Sử nhà Nguyễn cũng cho biết vào năm 1747 “Mùa thu, tháng 8, giặc biển tên là Đứơc (không rõ họ) cướp bóc miền ngoài biển Long Xuyên” [10, tr.238].

Để làm chủ vùng biển và tạo thuận lợi cho nhân dân khai thác kinh tế biển, các chúa Nguyễn rất chú trọng việc bảo vệ trị an vùng biển, tích cực chống cướp biển để bảo vệ tài sản, tính mạng cho nhân dân. Ngay từ vị chúa đầu tiên - chúa Nguyễn Hoàng, thủy quân đã khiến cướp biển phải nếm mùi thất bại. Sử nhà Nguyễn chép: “Át Dậu, năm thứ 28 [1585], bảy giờ có tướng giặc nước Tây Dương hiệu là Hiễn Quý (Hiễn Quý là tên hiệu của bọn tù trưởng phiên, không phải là tên người) đi 5 chiếc thuyền lớn, đến đậu ở Cửa Việt để cướp bóc ven biển. Chúa sai hoàng tử thứ sáu lĩnh hơn 10 chiếc thuyền, tiến thẳng đến cửa biển, đánh tan 2 chiếc thuyền giặc. Hiễn Quý sợ chạy... Từ đó, giặc biển im hơi” [10, tr.358]. Chiến công đó của Phúc Nguyên đã được chúa khen là “anh kiệt” và ban thưởng rất hậu.

Vùng biển phía Nam là nơi mà hầu hết những con tàu của thương nhân Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha chơ gồm sù, rượu sang đổi sản vật, tơ lụa ở Châu Á đều phải đi đây. Khu vực này còn có thương cảng Hà Tiên là nơi cập bến của các đội tàu buôn Đông Tây. Sử sách cho biết: từ thế kỉ XVII, XVIII, thuyền Quỳnh Châu từ Quảng đông thường đến vùng biển Hà Tiên, Phú Quốc đậu để mua hải sản, bong bóng cá, lẫn với dân ta, buôn thuyền liền nhau. Giặc biển Chà Và thường bắt thần nấp ở các đảo để cướp của bắt người cho nên xứ ấy đều sấm khí giới để phòng bị, mà thuyền tuần của lính trấn thì cứ đến mùa gió nam là tuần phòng cẩn thận, hơi sơ phòng một chút là có cướp bóc ngay.

Còn ở Hòn Cổ Công, phía đông cảng Hương Úc, là nơi có nhiều sản vật (cá to, đồi mồi, hải sâm), bên ngoài địa thế hiểm trở, có bình chương che chắn, bên trong là nơi tàu thuyền thường đỗ. Từ năm 1767, là chỗ bọn giặc biển Hoạch Nhiên (người Triều Châu giỏi dùng mũi tên sắt to, bắn đứt lèo buồm, hoành hành trên biển, vây cánh rất

hiều) tụ tập cướp bóc thuyền buôn Nam Bắc và cướp bóc dân Xiêm lánh nạn ở bãi bể và ngầm mưu đánh cướp lấy Hà Tiên. Mạc Thiên Tứ biết chuyện sai cai đội Khang Thành hầu đem quân tinh nhuệ đánh dẹp [7, tr.343].

Sử liệu nhà Nguyễn cũng ghi chép khá nhiều hoạt động cướp biển của hải tặc Chà Và ở các đảo Hòn Tre, Hòn Cau, Hòn Rái, Hòn Cỏ Rồng, Phú Quốc, biển Kiên Giang, biển Hà Tiên... Chúng còn lập căn cứ ở một số đảo để bắt nạt đánh cướp các tàu thuyền qua lại vùng vịnh Xiêm La và Hà Tiên. Đại Nam thực lục ghi chép khá nhiều những cuộc đụng độ giữa thủy quân chúa Nguyễn và cướp biển Chà Và. Tháng 12 năm Nhâm Tý (1792), giặc biển Chà Và đến bãi Hà Tiên cướp phá, bị quan Bảo hộ Nguyễn Văn Nhân đem quân đánh đuổi, chúng chạy ra đảo Hòn Cau thì gặp đoàn thuyền của Cai cơ Nguyễn Tiến Lượng và Nguyễn Văn Thoại đi sứ Xiêm chặn đánh, chém hơn 30 đầu giặc, bắt sống 2 tên, thu được 1 chiếc thuyền [10, tr.288]. Tháng 8 năm Bính Thìn (1796), 17 chiếc thuyền giặc biển Chà Và kéo đến đảo Hòn Tre, dùng 3 chiếc sam bắn vào cướp ở Kiên Giang, quan quân ngăn đánh, chém được 5 đầu giặc, đoạt được 1 chiếc thuyền, đánh đắm 1 chiếc, chiếc còn lại bỏ chạy. Quan vệ úy vệ Hùng võ Nguyễn Đức Xuyên liền đem binh thuyền của 10 vệ quân Thần sách và Tả quân chia làm ba đạo đánh úp đảo Hòn Tre, bắt được tướng cướp và hơn 80 quân giặc, 15 chiếc thuyền giải thoát cho hơn 70 người bị hải tặc bắt [10, tr.340].

Cùng với những chiến công trong tiêu diệt giặc biển, thủy quân chúa Nguyễn cũng đã kiên quyết bảo vệ vùng biển đảo trước sự xâm nhập của các thế lực phương Tây lẫn các nước láng giềng. Sử liệu cho thấy các chúa Nguyễn sẵn sàng bảo vệ vùng biển của mình như năm 1559, tàu Tây Ban Nha đã bị lực lượng phòng hải của chúa cảnh cáo: *“mờ sáng ngày 3.9.1559, quân Tây Ban Nha thấy cả một rừng lưới giảo tua tua quanh các núi trọc nơi đậu thuyền, đồng thời có nhiều chiếc thuyền mang chất cháy đi hàng ba nhằm thẳng tàu Tây Ban Nha tiến tới; cùng lúc đó, pháo từ các đồn lũy trên bờ phát hỏa. Cảm thấy bị phục kích và tiến công, hạm thuyền Tây Ban Nha vội bỏ chạy và nhờ trận gió tây, quân Tây Ban Nha mới thoát nạn”* [10, tr.98].

Trong suốt thế kỉ XVIII khi tiến hành công cuộc Nam tiến, các chúa Nguyễn luôn phải đối phó với các thế lực phong kiến láng giềng ở phía Tây Nam, đặc biệt là phong kiến Xiêm. Với tham vọng đông tiến, phong kiến Xiêm thường xuyên đem quân tấn công vào các vùng

lãnh thổ ven biển Tây Nam của các chúa Nguyễn. Năm 1766, vua Xiêm sửa soạn thuyền chiến và binh sĩ chuẩn bị đánh Hà Tiên. Nhận được tin báo, Thống suất Nguyễn Cửu khôi và Tham mưu Nguyễn Thừa Mân sai bọn Cai đội Nguyễn Cửu Siêu, Nguyễn Cửu Tự đem 3 chiếc thuyền đi biển, 20 chiếc thuyền sai và 1.000 tinh binh đóng giữ Hà Tiên để phòng ngừa giặc Xiêm [10, tr.122].

Năm 1770, người Khmer Phạm Chàm, óc nha Ghê cùng với người Chà Và là Vinh Ly Ma Lô chiêu mộ giặc cướp tấn công Hà Tiên theo hai đường thủy bộ. Quân bộ kéo đến núi Chiêu Thúy, quân thủy theo đường biển gồm 15 chiến thuyền tiến vào cửa biển Hà Tiên cướp phá tàn khốc. Tung đức Hầu tổ chức quân dân Hà Tiên phòng thủ dũng cảm, đánh bại được cuộc tấn công, bắt chém các tên thủ lĩnh cầm đầu. Song, sau sự kiện này, Hà Tiên lâm vào khủng hoảng lương thực, lòng dân dao động. Tung đức Hầu dâng sớ tỵ hặc tội. Thấy tình thế cấp bách, triều đình đã sắc cho khỏn sứ Gia định phàm hễ Hà Tiên có việc cấp báo phải sách ứng ngay. Năm 1771, vua Xiêm lấy cơ Mạc Thiên Tứ chứa chấp Chiêu Thúy, con vua Chân Lạp, bèn sai Taksin chỉ huy, đem 6 vạn quân đánh chiếm Hà Tiên, tiến sâu vào Gia định, dùng bọn tướng cướp làm hướng đạo, đánh úp Hà Tiên. Thành Hà Tiên thất thủ. Quân của Mạc Thiên Tứ được sự tiếp ứng của quân chúa Nguyễn phải lui giữ các miền hiểm yếu là Kiên Giang, Long Hồ. Một năm sau, quân Xiêm đã bị quân của chúa Nguyễn đánh bại và tháo chạy về nước. Đến năm 1773, quân chúa Nguyễn đã lấy lại được trấn Hà Tiên [3, tr.123].

Công cuộc chiến đấu chống tàu thuyền các nước phương Tây xâm lấn, cướp bóc ven biển xứ Đàng Trong trong suốt thời các chúa Nguyễn được sử sách ghi lại khá nhiều. Nhưng có lẽ trận đánh với người Hà Lan năm 1642 là đáng chú ý hơn cả bởi lẽ lúc bấy giờ người Hà Lan đang được mệnh danh là đội tàu chiến mạnh nhất vùng biển thế giới bấy giờ. Từ các nguồn sử liệu, nhà nghiên cứu Li Tana đã tái hiện lại sự kiện này qua đoạn trích sau: *“Tháng 5 năm 1642, người Hà Lan gửi một đoàn tàu gồm 5 chiếc với 125 lính thủy và 70 binh sĩ. Viên chỉ huy, Jan van Linga, nhận được chỉ thị từ Batavia là phải bắt cho được nhiều người Quinam ở dọc bờ biển rồi sau đó gửi một tời hậu thư cho nhà vua dọa là sẽ giết một nửa số người bị bắt và số còn lại sẽ bị giải ra Đàng Ngoài nếu những yêu cầu của Hà Lan không được đáp ứng trong vòng 48 tiếng. Kế đó, họ*

được lệnh kéo lên phía bắc tới ranh giới Đàng Ngoài để chờ lực lượng của họ Trịnh (mặc dù không mấy người tin là họ sẽ thực sự tới). Ngày 31-5-1642, người Hà Lan tiến vào vịnh Cambir (Quy Nhơn), đốt 400 hay 500 căn nhà cùng với các kho gạo và bắt 38 người. Có thể ở thời điểm này, họ quyết định dùng vũ lực để giải cứu những người Hà Lan bị giữ ở Hội An mà không chờ viên toàn quyền cho phép. Họ tiếp tục bắt giữ những người sống ở bờ biển nhưng số người bị bắt xem ra không nhiều. Trong vòng 10 ngày, họ chỉ bắt thêm được 11 người. Để có thể bắt thêm nhiều người nữa, Jacob van Liesvelt đề nghị tới đảo Campelo, bề ngoài làm ra vẻ thân thiện và dụ người Đàng Trong họ gặp lên một trong số các tàu để bắt giữ họ. Hoặc vì người dân ở Quy Nhơn đã báo cáo về các hành động của người Hà Lan hoặc vì các thám thính viên của Đàng Trong đã nắm được các tin tức nên khi người Hà Lan đến, họ đã thấy là “chính quyền Quinam đã đặt các vùng bờ biển trong tư thế phòng thủ”. Khi Van Liesvelt lên bờ cùng với 150 người, ông đã bị tấn công và bị giết chết cùng với 10 người của ông... Ngày 16-6, người Hà Lan đã giết 20 con tin người Đàng Trong tại Turan, đoạn bờ ra Đàng Ngoài” [6, tr.263].

Cũng trận thủy chiến có tình tiết tương tự như trên, nhưng trong *Đại Nam thực lục tiền biên* lại ghi vào năm 1644, chép nội dung khá kỹ lưỡng: “Thế tử Dũng Lễ hầu (tức là Phúc Tần), đánh phá giặc Ô Lan (tức Hà Lan) ở cửa Eo. Bấy giờ giặc Ô Lan đậu thuyền ngoài biển, cướp bóc lái buôn. Quân tuần biển báo tin. Chúa đương bàn kế đánh dẹp. Thế tử tức thì mật báo với Chương cơ Tôn Thất Trung, ước đưa thủy quân ra đánh, Trung lấy cơ chưa bảm mệnh, ngần ngại chưa quyết. Thế tử đốc suất chiến thuyền của mình tiến thẳng ra. Trung bắt đắc dĩ cũng đốc suất binh thuyền theo đi, đến cửa biển thì thuyền Thế tử đã ra ngoài khơi. Trung lấy cớ vậy lại, nhưng Thế tử không quay lại. Trung bèn giục binh thuyền tiến theo. Chiếc thuyền trước sau lướt nhanh như bay. Giặc trông thấy cả sợ, nhằm thẳng phía Đông mà chạy, bỏ rơi lại một chiếc thuyền lớn. Thế tử đốc quân vây bắt. Tướng giặc thế cùng phóng lửa tự đốt chết. Thế tử bèn thu quân về” [10, tr.55].

Nguyễn Việt, Vũ Minh Giang, Nguyễn Mạnh Hùng trong tác phẩm *Quân thủy trong lịch sử chống ngoại xâm* cũng nêu thêm sự kiện tháng 8 năm 1644, tàu Hà Lan do thuyền trưởng Flavoyer chỉ huy, được lệnh của Batavia đánh phá bờ biển Đàng Trong cũng lại bị quân

tuần phòng Nguyễn đánh phải bỏ chạy. Hay như Lê Quý Đôn trong *Phủ biên tạp lục* cũng ghi có một trận đánh tàu Hà Lan tháng 5-1643 và số tàu Hà Lan là 10 chiếc. Như vậy, rõ ràng, giữa Đàng Trong và Hà Lan đã nhiều lần đụng độ hải chiến với nhau chứ không riêng gì 2 trận. Và những lần ấy người Hà Lan đều thua đau trước sự dũng mãnh của chiến thuyền Đàng Trong do trấn thủ là Thế tử Nguyễn Phúc Tần chỉ huy.

Những trận thủy chiến thắng lợi này của Đàng Trong cũng đã được Li Tana nhận xét: “Những người Hà Lan sống sót đã chỉ trích nặng nề viên chỉ huy của họ là đã không lường trước được cuộc tấn công của kẻ địch. Trong cả hai trận chiến, các cuộc tấn công bất ngờ của họ Nguyễn đã đặt người Hà Lan vào thế thủ ngay từ giây phút đầu. Theo Tiền biên, họ Nguyễn đã chuẩn bị kỹ lưỡng vì đã nhận được báo cáo từ một đội đặc biệt gọi là tuần hải, thêm vào là các trạm gác dọc bờ biển...” [6, tr.266]. Điều đáng nói là giáo sĩ Alexandre de Rhodes đã sớm “phổ biến” thất bại cay đắng này của người Hà Lan đến phương Tây qua tác phẩm *Lịch sử vương quốc Đàng Ngoài* từ 1627 - 1646 được in và xuất bản ở Lyon năm 1651.

Sau Hà Lan, thủy quân chúa Nguyễn còn phải đối đầu với tàu chiến Anh tại đảo Côn Lôn. Sự phát triển chưa từng thấy của nền thương mại quốc tế thế kỉ XVI - XVII làm cho quần đảo Côn Lôn trở thành mục tiêu chiến lược của nhiều nước phương Tây. Năm 1624 Giáo sĩ A. de Rhodes đã đặt chân tới Đàng Trong. Trong 25 năm lưu tại Đại Việt, bên cạnh hoạt động truyền đạo, ông còn thu thập, điều tra, cung cấp thông tin cần thiết cho kế hoạch xâm lược của Pháp. Trong một tài liệu gửi về Pháp, ông cho biết vị trí quan trọng và khả năng buôn bán ở đảo Côn Lôn: “Ở đây, có một chỗ cần chiếm lấy và đặt cơ sở tại đó, thương nhân châu Âu có thể tìm thấy một nguồn lợi phong phú tiền lời và của cải” [2, tr.45]. “Chỗ cần chiếm lấy” ấy chính là Côn Lôn. Từ báo cáo của A. de Rhodes, tháng 11.1686, công ty Đông Ấn của Pháp phái Véret tới điều tra Côn Lôn. Véret xác nhận điều đó và đề nghị chiếm Côn Lôn làm căn cứ cho thương mại của công ty ở Viễn đông.

Biết được ý đồ của Pháp, năm 1687, Williams Dampier nhân viên công ty Đông Ấn của Anh đã tới vẽ bản đồ ở vịnh Tây Nam Côn Lôn. Năm 1702, công ty này ngang nhiên đổ quân chiếm cứ Côn Lôn, xây dựng pháo đài, cột cờ, với 200 quân Mã Lai canh giữ (những người lính Mã Lai được thuê với thời hạn hợp đồng 3 năm).

Vào đêm 3.2.1705, những người lính Mã Lai đã vùng lên tiêu diệt bọn chủ người Anh. Chỉ có rất ít người như bác sĩ Pound và ông Salomon Liyod đang ở bên ngoài pháo đài chạy xuống tàu tẩu thoát. Về sự kiện này, các tài liệu viết khác nhau, đặc biệt là niên đại không thống nhất. Sách *Đại Nam thực lục chính biên* cho biết:

Năm Nhâm Ngọ Hiên Tông thứ 11 (1702), “*Giặc biển là người Man An Liệt [tức người Anh] có 8 chiếc thuyền đến đậu ở đảo Côn Lôn. Trưởng là bọn Tô Thích Già Thi 5 người tự xưng là nhất ban, nhị ban, tam ban, tứ ban, ngũ ban [tức các cấp bậc quan một, quan hai,...] (mấy ban cũng như mấy bậc, nguyên người Tây phương dùng những tên ấy để gọi bọn đầu mục của họ) cùng đồ đảng hơn 200 người, kết lập trại sách, của cải chứa đầy như núi, bốn mặt đều đặt đại bác. Trấn thủ dinh Trấn Biên là Trương Phúc Phan (con Chương dinh Trương Phúc Cương, lấy công chúa Ngọc Nhiễm) đem việc báo lên, Chúa sai Phúc Phan tìm cách trừ bọn ấy.*

*Mùa đông, tháng 10 [1703], dẹp yên đảng An Liệt. Trước là Trấn thủ Trấn Biên Trương Phúc Phan mộ 15 người Chà Và sai làm kế trá hàng đảng An Liệt để thừa chúng sơ hở thì giết. Bọn An Liệt không biết. Ở Côn Lôn hơn một năm không thấy Trấn Biên xét hỏi, tự lấy làm đắc chí. Người Chà Và nhân đêm phóng lửa đốt trại, đâm chết nhất ban, nhị ban, bắt được ngũ ban trói lại, còn tam ban, tứ ban thì theo đường biển trốn đi. Phúc Phan nghe tin báo, tức thì sai binh thuyền ra Côn Lôn, thu hết của cải bắt được dâng nộp. Chúa trọng thưởng người Chà Và và tướng sĩ theo thứ bậc. Tên ngũ ban thì đóng gông giải đi, chết ở dọc đường”* [10, tr.115].

Trong khi đó, sách *Lịch sử nhà tù Côn Đảo* (1862 - 1975) dẫn từ Poulo Condore: T.F.E.O. Sài Gòn 1947, cung cấp thêm ngày tháng cụ thể của sự kiện. Theo sách này thì “*Ở Côn Đảo họ bị đau ốm, lo buồn và chỉ muốn về quê nhà. Họ bí mật chuẩn bị một cuộc nổi dậy. đêm ngày 3.2.1705, một tiếng hú man rợ vang trong rừng thẳm. Chính là những người lính hung hãn, da ngăm màu đồng hun đã vùng lên tiêu diệt bọn chủ người Anh (...). Chỉ có rất ít người chạy thoát như bác sĩ Paodor (Pound) và ông Xalômôn Lyốt (Salomon Liyod) đang ở bên ngoài pháo đài”* [11, tr.21].

Tuy rất muốn mở rộng giao thương với các nước phương Tây, nhưng khi nhận ra Côn Đảo chỉ thực sự là một căn cứ nhằm phục vụ tuyến thương mại của Anh từ

Ấn Độ sang Trung Hoa, hơn nữa, nhận thấy tư bản Anh âm mưu biến Côn Lôn thành một bàn đạp để xâm chiếm những vùng đất mới, trước hết là nước ta, chúa Nguyễn đã tổ chức đánh đuổi quân Anh ra khỏi đảo. Kế hoạch được chuẩn bị chu đáo, chúa Nguyễn khôn khéo cài người vào nội bộ địch, lợi dụng mâu thuẫn giữa binh lính người Mã Lai với bọn chủ người Anh để gây nên cuộc binh biến, kết hợp với sự hỗ trợ từ bên ngoài để nổi dậy. Kết quả, quân Anh phải rời bỏ Côn Lôn. Hơn 150 năm sau sự kiện nói trên, Paulin Via, trong một công trình khảo cứu của mình đã công nhận: “*Hòn đảo này (Côn Lôn) ở trước cửa sông Cửu Long, một thế kỷ trước đây đã do người Anh chiếm đóng, song đã bỏ sau khi thấy không thể giữ được nó... Các vua An Nam vẫn là người chủ hợp pháp của đảo ấy”* [9, tr. 82]. Có thể thấy, các chúa Nguyễn đã xác lập được chủ quyền và kiên quyết bảo vệ Côn Đảo trước mọi hành động xâm chiếm của các thế lực nước ngoài. Chiến thắng vang dội trước quân Anh - một nước đứng đầu thế giới về hàng hải lúc bấy giờ đã một lần nữa khẳng định sức mạnh của thủy quân chúa Nguyễn cũng như sự chuẩn bị tốt trong việc đương đầu với các thế lực trên biển của chính quyền Đàng Trong.

#### 4. Kết luận

Những chiến thắng trên đây đã thể hiện sức mạnh của thủy quân cũng như ý chí, quyết tâm bảo vệ vùng biển đảo, bảo vệ chủ quyền dân tộc của chính quyền xứ Đàng Trong. Việc thực thi chủ quyền trước thế lực ngoại bang được tiến hành với lực lượng thủy quân tinh nhuệ và lòng quyết tâm của chúa Nguyễn, quan trấn thủ dinh cũng như lực lượng binh sĩ và tuần hải, thám báo. Tất cả điều đó đã khiến quân Trịnh, mặc dù số lượng thuyền chiến nhiều hơn Đàng Trong nhưng không dám vọng động tấn công và khiến các thuyền buôn nước ngoài khi đến giao thương với Đàng Trong đều tự ý thức rằng: phải luôn tôn trọng pháp luật của chính quyền, tôn trọng chủ quyền của Đàng Trong để không gặp thảm bại như Hà Lan.

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Borri, (C) (1998). *Xứ Đàng Trong năm 1621*. Hồng Nhuệ Nguyễn Khắc Xuyên và Nguyễn Nghị dịch, NXB TP.HCM.
- [2] Lê Tiến Công (2017). *Tổ chức phòng thủ và hoạt động bảo vệ vùng biển miền Trung dưới triều Nguyễn*

- giai đoạn 1802-1858. NXB Khoa học Xã hội.
- [3] Trịnh Hoài Đức (1999). *Gia Định thành thông chí*. NXB Giáo dục.
- [4] Nguyễn Thừa Hỷ, Đỗ Bang, Nguyễn Văn Đăng (2000). *Đô thị Việt Nam dưới triều Nguyễn*. NXB Thuận Hóa, Huế.
- [5] Phan Khoang (2001). *Việt sử xứ Đàng Trong 1558 - 1777*. NXB Văn học.
- [6] Li Tana (1999). *Xứ Đàng Trong: Lịch sử kinh tế xã hội Việt Nam thế kỷ XVII - XVIII*. Nguyễn Nghi dịch, NXB Trẻ, TP. HCM, 82.
- [7] Trần Thị Mai (2012). *Quá trình xác lập và bảo vệ chủ quyền vùng biển Tây Nam bộ dưới thời chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn (thế kỷ XVII - XIX)*. Kỷ yếu Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ IV, 343.
- [8] Nguyễn Quang Ngọc (2014). *Chủ quyền của Việt Nam ở Hoàng Sa và Trường Sa Tư liệu và sự thật lịch sử*. NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- [9] Nguyễn Duy Phương (2018). *Hoạt động của cướp biển ở biển đảo Trung bộ Việt Nam và biện pháp đối phó của triều Nguyễn*. Đề tài cấp Đại học Đà Nẵng.
- [10] Quốc sử quán triều Nguyễn (2007). *Đại Nam thực lục, tập 1*. Bản dịch của Viện Sử học, Tái bản lần thứ nhất, NXB Giáo dục, 238.
- [11] Nguyễn Đình Thống, Nguyễn Linh, Hồ Sĩ Hành (2010). *Lịch sử nhà tù Côn Đảo (1862 - 1975)*. NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.
- [12] Thích Đại Sán (2016). *Hải ngoại ký sự*. NXB Đại học Sư phạm.
- [13] Iwao Seiichi (1962). *Châu ấn thuyền và Phó Nhật*. NXB Hakusendo, Tokyo.
- [14] Thư viện tỉnh Trà Vinh (2014). *Biển đảo Việt Nam*. Thông tin chuyên đề.

### THE MARINE VICTORY OF NGUYEN LORD IN FIGHTING AGAINST PIRATES AND FOREIGN INVADERS

**Abstract:** Vietnam is the country with the wide coastline. Beside many resources, marine also brings many challenges, in which the risk of invasion from the sea border is the most permanent. In the XVI-XVIII century, the Nguyen Lords had built good marines, thereby keeping peace and extensible bounds, helped establish and assert sovereignty Vietnam Sea Island. Therefore, apart from introducing some features of naval forces of the Nguyen Lords, we will focus on the analysis of the typical achievement in anti-intrusion and anti-piracy of this force. Through it, contributing to assert mastery of our country on the island of the Cochinchina Sea.

**Key words:** Cochinchina; marines; Nguyen Lords; mastery; sea island.